

Bản án số: 470/2025/DS-PT
Ngày 15-5-2025
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tô Ngọc

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Đăng Ry, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 và ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 01 năm 2025 về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2025/QĐPT-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thanh M**, sinh năm 1978.

Hộ chiếu Đài Loan số 351658849 do Bộ N cấp ngày 23/01/2019.

Địa chỉ tại Đài Loan: Tầng A, số A, phố X, X, Z, K, Đài Loan.

Địa chỉ tại Việt Nam: khu vực T, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1/ Ông **Nguyễn Văn Chí T**, sinh năm 2001; Địa chỉ thường trú: ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên lạc: Số H, tổ F, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2/ Bà **Nguyễn Hồng Minh T1**, sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Số H, tổ F, khu

V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt khi tuyên án, vắng mặt khi tuyên án).

- Bị đơn: Ông **Lý Q**, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: Số D, khu vực T, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023, khởi kiện bổ sung đề ngày 25/3/2024 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M (có ông Nguyễn Văn Chí T, Lê Hồng Minh T2 đại diện) trình bày:*

Bà Nguyễn Thanh M (nguyên đơn) và ông Lý Q (bị đơn) xuất phát từ mối quan hệ yêu nhau từ năm 2011, có làm đơn xin kết hôn (do ông Q1 công tác trong ngành Công an) nhưng không được sự đồng ý của tổ chức do bà M có quốc tịch Đài Loan. Mặc dù vậy, vẫn được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi vào ngày 25/3/2012 và chung sống như vợ chồng đến tháng 11/2019. Trong khoảng thời gian này, do bà M sinh sống ở Đài Loan – Trung Quốc nên có chuyển tiền về cho ông Q theo các mốc thời gian như sau:

- *Thứ nhất*, giai đoạn năm 2012 đến 2014:

Từ tháng 5/2012 đến tháng 01/2014: Nguyên đơn gửi tiền cho bị đơn qua Ngân hàng A tổng số tiền khoảng 34.847 USD tương đương 738.041.492 đồng (tỷ giá 21.036 VND/USD). Sau đó, dùng số tiền đó đầu tư bất động sản, cụ thể: nhờ bị đơn mua/nhận chuyển nhượng thửa đất số 129, tờ bản đồ số 54, diện tích 105m² tọa lạc hẻm A, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ với giá 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng chẵn). Phần còn lại của số tiền 738.041.492 đồng sau khi đã mua đất thì được sử dụng để xây nhà, do xây nhà không đủ tiền nên có vay thêm Ngân hàng số tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng); theo đó, mỗi tháng nguyên đơn gửi tiền về trả lãi và gốc trong 57 tháng là 6.500.000 đồng/tháng (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng/tháng) – chuyển tiền trong giai đoạn 2014 – 2018 theo liệt kê bên dưới.

Sau khi đầu tư nhà – đất, số tiền chuyển nhượng tài sản được là 2.700.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm triệu đồng). Theo đó, nguyên đơn đã nhận lại 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*, trong đó: nhận trực tiếp từ bị đơn là 800.000.000 đồng và nhận từ bị đơn thông qua tài khoản Ngân hàng của Nguyễn Bích T3 là cháu ruột nguyên đơn là 400.000.000 đồng), tổng nhất tiền lên thổ cư là 50.000.000 đồng và 300.000.000 đồng trả tiền vay Ngân hàng. Nên số tiền còn lại là 1.150.000.000 đồng ⁽¹⁾.

- *Thứ hai*, giai đoạn năm 2014 đến 2018:

Nguyên đơn chuyển tiền về cho bị đơn là 423.752.000 đồng. Trong đó:

+ Trả lãi và gốc Ngân hàng là: 6.500.000 đồng/tháng x 57 tháng (tính đến thời điểm đặt cọc chuyển nhượng nhà – đất năm 2019) = 370.500.000 đồng (gồm: 171.000.000 đồng tiền lãi và 199.500.000 đồng tiền gốc).

Riêng, số tiền gốc 199.500.000 đồng⁽²⁾ lẽ ra đã được tất toán vào thời điểm nhận đặt cọc năm 2019, nhưng thực tế bị đơn vẫn lấy 300.000.000 đồng để trả Ngân hàng, tức là bị đơn đã chiếm giữ 199.500.000 đồng nên nguyên đơn chỉ đồng ý cân trừ số tiền lãi, còn số tiền gốc này bị đơn phải gánh chịu và có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn.

+ Đối trừ số tiền chuyển về với số tiền thực trả Ngân hàng thì nguyên đơn đã chuyển chênh lệch dư số tiền là: 423.752.000 đồng – 370.500.000 đồng = 53.252.000 đồng⁽³⁾.

Nhận thấy hiện nay tình cảm không còn, do ông Q đã kết hôn với người phụ nữ khác nên nguyên đơn bà M *khởi kiện và khởi kiện bổ sung* yêu cầu bị đơn ông Q trả tổng số tiền theo liệt kê trên là: (1) + (2) + (3) = 1.150.000.000 đồng + 199.500.000 đồng + 53.252.000 đồng = 1.402.752.000 đồng.

* *Tại các bản tự khai đề ngày 28/02/2024, ngày 02/4/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lý Q trình bày:*

Bị đơn Lý Quảng thống nhất lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M về thời gian quen biết năm 2011, rồi nảy sinh tình cảm yêu thương, có làm đơn xin kết hôn (do bị đơn công tác trong ngành Công an) nhưng không được sự đồng ý của tổ chức do nguyên đơn có hai quốc tịch Việt Nam và Đài Loan – Trung Quốc. Mặc dù vậy, vẫn được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi vào ngày 25/3/2012 (chờ bà M từ bỏ quốc tịch Đài Loan để đăng ký kết hôn) và chung sống như vợ chồng từ đó, nhưng rồi cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nên hai bên thống nhất chấm dứt mối quan hệ vào tháng 11/2019.

Quá trình chung sống, bà M có chuyển tiền về cho ông qua Western Union Ngân hàng N1 (Cần Thơ) để ông mua sắm, sinh hoạt cá nhân và ông cũng tích góp được một số vốn kết hợp tiền lương để dành đến khoảng tháng 01/2014 mới mua phần đất trị giá khoảng 420.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tại thửa đất số 129, tờ bản đồ số 54, diện tích 105m² tọa lạc hẻm A, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ – đất do ông đứng tên chủ sử dụng. Do không đủ tiền xây nhà nên khoảng tháng 11/2014 có làm thủ tục vay Ngân hàng Á 310.000.000 đồng với hình thức thế chấp phần đất trên. Đồng thời, cha mẹ ông cho 100.000.000 đồng để mua sắm vật dụng trong nhà.

Trong khoảng thời gian chung sống như vợ chồng từ năm 2012 đến tháng 11/2019, mỗi khi về Việt Nam thì nguyên – bị đơn đều sinh sống tại căn nhà xây dựng này.

Thời gian này, nguyên đơn và bị đơn còn hùn làm ăn kinh doanh Nhà nghỉ M1 vào ngày 16/4/2018, do ông Q đứng tên Giấy phép kinh doanh với Hợp đồng thuê nhà 19.000.000 đồng/tháng. Để có vốn kinh doanh đầu tư Nhà nghỉ, cả hai đã bàn bạc mượn (vay không lãi) của em gái bị đơn là Lý Thu Đ số tiền 500.000.000 đồng; nhưng vẫn thiếu vốn nên nguyên – bị đơn lại thống nhất vay Ngân hàng 1.000.000.000 đồng theo Hợp đồng cấp tín dụng ngày 25/12/2018 (để tất toán khoản trước đó, vay trả nợ em bị đơn, còn lại 200.000.000 đồng tiếp tục đầu tư Nhà nghỉ). Nhưng, do chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh và dịch Covid phải đóng cửa gần 01 năm nên thua lỗ.

Đến tháng 11/2019, bán căn nhà và đất trên cho bà Trần Thanh H (đã chết) với số tiền là 2.650.000.000 đồng (trong đó: cần trừ 150.000.000 đồng chi phí hoàn công và lên thổ cư) nên số tiền thực nhận là 2.500.000.000 đồng.

Theo đó, ngày 02/11/2029, tất toán nợ vay Ngân hàng với tổng số tiền là 993.266.096 đồng (gồm: khoản vay xây nhà 310.000.000 đồng và vay đầu tư Nhà nghỉ 700.000.000 đồng).

Ngày 23/11/2019, bị đơn giao cho nguyên đơn 800.000.000 đồng⁽⁴⁾.

Ngày 29/7/2020, bị đơn chuyển 400.000.000 đồng⁽⁵⁾ thông qua bà Nguyễn Bích T3 (cháu ruột nguyên đơn).

Ngày 15/3/2020, thanh lý Nhà nghỉ M1 và nguyên đơn nhận trực tiếp 180.000.000 đồng⁽⁶⁾.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn đã giao và quyết toán xong với nguyên đơn là:
 $(4) + (5) + (6) = 1.380.000.000$ đồng.

Do đó, bị đơn không hề chiếm giữ tài sản nào của nguyên đơn, tất cả số tiền nguyên đơn chuyển về cho bị đơn là tự nguyện, bị đơn không vay mượn gì của nguyên đơn. Nên bị đơn không đồng ý bất kỳ yêu cầu khởi kiện nào của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DSST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, các Điều 147, 271, 273 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Án lệ số 02/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M (có ông Nguyễn Văn Chí T, bà Nguyễn Hồng Minh T1 đại diện).

Buộc bị đơn ông Lý Q trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

** Tách giao dịch về đầu tư kinh doanh Nhà nghỉ Mai Lý thành vụ việc khác theo thủ tục tố tụng dân sự (khi có yêu cầu).*

Ngoài ra, tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10-10-2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn Chí T và bà Nguyễn Hồng Minh T1 trình bày:

Thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo cụ thể như sau: Từ năm 2012 đến năm 2014 bà M gửi về cho ông Q 738.041.492 đồng để đầu tư, ông Q đã sử dụng 420.000.000 đồng để mua căn nhà phường A quận N. Sau đó ông Quảng bán được 2.650.000.000 đồng. Đối với số tiền 318.000.000 đồng ông Q đã tiêu xài cá nhân thì bà M không yêu cầu. Sau đó bà M có đề nghị ông Q vay 300.000.000 đồng để sửa nhà. bà M đã nhiều lần gửi tiền về để ông Q trả nợ gốc và lãi. Cụ thể từ năm 2014 đến năm 2018 gửi tổng cộng 423.752.000 đồng. Xác nhận ông Q có sửa nhà hết 400.000.000 đồng, trong đó có 310.000.000 đồng tiền vay ngân hàng và 90.000.000 đồng của cá nhân ông Q. Xác nhận ông Q có bỏ tiền chuyển mục đích sử dụng đất 69.500.000 đồng. Như vậy: lợi nhuận từ việc kinh doanh bất động sản như sau:

2.650.000.000 đồng – 420.000.000 đồng – 69.500.000 đồng = 2.160.500.000 đồng. Áp dụng án lệ, đề nghị chia đôi lợi nhuận, ông Q phải trả cho bà M số tiền mua nhà 420.000.000 đồng và ½ lợi nhuận nêu trên, ông Q đã trả cho bà M 1.200.000.000 đồng, nay đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, buộc ông Q trả cho bà M: 2.160.500.000/2 đồng + 420.000.000 đồng – 1.200.000.000 đồng = 300.250.000 đồng.

Ngoài ra ông Q phải trả lại toàn bộ số tiền 423.752.000 đồng.

Tổng cộng yêu cầu ông Q trả cho bà M 724.002.000 đồng

Đối với tranh chấp việc kinh doanh nhà nghỉ M1 thì bà M không kháng cáo, đồng ý với tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

Xác nhận trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2018 rất nhiều lần về Việt Nam, chung sống như vợ chồng với ông Q tại căn nhà nói trên.

Ông Lý Q trình bày: Xác nhận bà M có chuyển về 738.041.492 đồng, ông đã mua căn nhà tại phường A, N hết 420.000.000 đồng, số tiền còn lại ông đã chi tiêu cá nhân và gia đình hai bên. Sau đó ông đã bán căn nhà với giá 2.650.000.000 đồng. ông có vay 310.000.000 đồng ngân hàng và xin thêm mẹ 90.000.000 đồng để sửa nhà. Ngoài ra ông phải chi phí cho thủ tục lên thổ cư (đối với diện tích chênh lệch tăng được công nhận) và hoàn công căn nhà với số tiền là 150.000.000 bao gồm: 49.227.500 đồng (tiền chuyển mục đích sử dụng đất), 3.236.118 đồng (lệ phí trước bạ nhà đất), 12.944.470 đồng (tiền thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản), 3.559.000 đồng (thuế xây dựng), 113.904 đồng (thuế sử dụng đất phi nông nghiệp), 450.000 đồng (phí, lệ phí cấp mới đăng ký nhà) – tổng cộng các số tiền có liên quan trên đã là 69.530.992 đồng và khoảng 80.000.000 đồng phí dịch vụ không có chứng từ. Đối với số tiền 423.752.000 đồng bà M gửi về là để chi tiêu cho hai người trong thời gian chung sống và gửi tiền cho gia đình hai bên, đây là tiền bà M cho và sử dụng chung cho cả hai người nên không đồng ý trả lại. Đề nghị bác toàn bộ kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về hình thức: đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Đại diện nguyên đơn thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, trình bày về số tiền gửi không rõ ràng, mâu thuẫn không chứng minh được cho yêu cầu kháng cáo. Tại cấp phúc thẩm không cung cấp được tình tiết, chứng cứ gì mới. Cấp sơ thẩm xác định lợi nhuận trong việc bán căn nhà mua chung, xác định mỗi bên được một phần hai lợi nhuận, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc, sau khi trừ số tiền đã thanh toán, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 60.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Đối với Quyết định tách tranh chấp kinh doanh nhà nghỉ L vụ án khác, các bên không kháng cáo. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với yêu cầu trả 423.752.000 đồng: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày đây là tiền chuyển cho bị đơn để trả cho nợ gốc và lãi khoản nợ 300.000.000 đồng bị đơn vay để sửa nhà nhưng không có chứng cứ chứng minh, bị đơn trình bày số tiền này gửi về để chi tiêu trong thời gian bà M về Việt Nam chung sống với ông Q. Đại diện nguyên đơn trình bày bắt nhất, mâu thuẫn, lúc thì yêu cầu 53.252.000 đồng, lúc thì yêu cầu toàn bộ số tiền. Bà M cũng thừa nhận trong thời gian còn quan hệ tình cảm, bà M về Việt Nam nhiều lần và cùng sống với ông Q tại căn nhà nói trên. Vì vậy yêu cầu này của nguyên đơn không có căn cứ.

Đối với việc mua bán bất động sản tại phường A. Căn cứ lời khai nhận của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định:

Nguyên đơn bỏ ra số tiền 420.000.000 đồng.

Bị đơn bỏ ra 400.000 đồng sửa nhà và 69.500.000 đồng các chi phí chuyển mục đích sử dụng đất, thuế trước bạ...

Ngoài ra số tiền ban đầu nguyên đơn gửi về là 738.041.492. Bị đơn thừa nhận đã nhận, gửi tiền cho gia đình hai bên, nghĩa là cho cả gia đình ông Q. Tuy nguyên đơn không yêu cầu số tiền này tuy nhiên cũng cần ghi nhận đóng góp của nguyên đơn. Như vậy, số tiền hai bên bỏ ra mua đầu tư căn nhà là gần như nhau, cần xác định hai bên có công sức ngang nhau trong việc đầu tư căn nhà. Các bên thống nhất xác định giá mua là 420.000.000 đồng, giá bán là 2.650.000 đồng, Như vậy, khi bán cần chia đôi giá trị căn nhà cho cả hai bên. Cần xác định bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 1.325.000.000 đồng. Bị đơn đã trả 1.200.000.000 đồng, cần buộc bị đơn tiếp tục trả cho nguyên đơn 125.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn trả nguyên đơn 125.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn. Án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu cũng được tính lại trên phần yêu cầu tại cấp sơ thẩm không được chấp nhận.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về việc thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 31/2024/DSST ngày 27-9-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

** Tuyên xử:*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M.

Buộc bị đơn ông Lý Q trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M số tiền 125.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

* Tách giao dịch về đầu tư kinh doanh Nhà nghỉ Mai Lý thành vụ việc khác theo thủ tục tố tụng dân sự (khi có yêu cầu).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh M phải nộp 50.332.560 đồng.

Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0000182 ngày 16/01/2024 và số 0000288 ngày 25/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn phải nộp tiếp số tiền là 21.042.560 đồng.

- Bị đơn ông Lý Q phải nộp 6.250.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thanh M không phải chịu. Bà M được nhận lại 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000108 ngày 10/10/2024 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Các thẩm phán

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Yên

Phạm Trí Tuấn

Phan Tô Ngọc

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tối cao;

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;

Phan Tô Ngọc

- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ (1), VP (5), 14b (DTTP).